Đ.A Bằng, A Hai, TKH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Số: 2398/QĐ-UBND	*Tiền Giang, ngày 03 tháng 10 năm 2014*

ĐND & UBND HUYỆN CAI LẬY
ĐẾN Số: 2395
Ngày: 07/11/2014
Chuyển: Phúc

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đến năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 29 tháng 06 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư 10/TT-BXD ngày 11/8/2010 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị;

Xét báo cáo thẩm định số 818/SXD-QH.HT ngày 06/9/2014 của Sở xây dựng tỉnh Tiền Giang về việc báo cáo thẩm định quy hoạch chung đô thị Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đến năm 2025;

Xét đề nghị của UBND huyện Cai Lậy tại Tờ trình số 133/TTr-UBND ngày 10/9/2014 của Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy về phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung đô thị Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đến năm 2025 với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch chung

Phạm vi: Gồm toàn bộ diện tích theo địa giới hành chính xã Bình Phú với tổng diện tích đất tự nhiên 18,9km^2.

Ranh giới: + Phía Đông giáp xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy và xã Thanh Hòa.

+ Phía Tây giáp xã Phú Nhuận, Phú An.

+ Phía Nam giáp xã Cẩm Sơn.

+ Phía Bắc giáp xã Phú Nhuận.

2. Tính chất, chức năng của đô thị

- Đô thị Bình Phú sẽ trở thành trung tâm của huyện Cai Lậy, là hạt nhân thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, khoa học, công nghệ của toàn huyện.

- Đô thị Bình Phú sẽ đảm nhận các chức năng chính sau:

+ Là trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, giải trí... của huyện.

+ Là trung tâm kinh tế thương mại dịch vụ của huyện, đồng thời cũng là trung tâm thương mại mang tính trung chuyển quan trọng của tỉnh Tiền Giang.

- Là đầu mối giao thông quan trọng giữa các xã trong huyện và giữa huyện Cai Lậy với các huyện, thành phố, thị xã của tỉnh Tiền Giang.

- Là một thị trấn đạt tiêu chuẩn đô thị loại V.

3. Quy mô dân số, đất đai đô thị theo các giai đoạn phát triển

- Dự báo dân số đến năm 2020, khoảng 21.000 người. Dân số đến năm 2025, khoảng 24.650 người.

- Đến năm 2020, tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 367,5 ha. Đến năm 2025, tổng diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 431,4 ha.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu và hướng phát triển đô thị

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2025
1	Tổng số dân (dự kiến)		
1.1	Toàn đô thị	21.000 người	24.650 người
1.2	Khu trung tâm	14.800 người	20.950 người
2	Chỉ tiêu sử dụng đất	78 ÷ 90m^2/người	78 ÷ 90m^2/người
2.1	Chỉ tiêu đất đơn vị ở	45 ÷ 50 m^2/người	45 ÷ 50 m^2/người
2.2	Chỉ tiêu đất công trình công cộng	5 ÷ 10 m^2/người	5 ÷ 10 m^2/người
2.3	Chỉ tiêu đất cây xanh TDTT	6 ÷ 8 m^2/người	10 ÷ 12 m^2/người
2.4	Chỉ tiêu đất giao thông	10 ÷15 m^2/người	15 ÷ 20 m^2/người
3	Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt	400 kWh/người/năm	1.000 kWh/người/năm
4	Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt	80 lít/người/ngày	90 lít/người/ngày
5	Chỉ tiêu thoát nước bẩn sinh hoạt	72 lít/người/ngày	90 lít/người/ngày
6	Chỉ tiêu rác thải	0,8 kg/người/ngày	1,0 kg/người/ngày
7	Giao thông đô thị đảm bảo		
7.1	Tỷ lệ giao thông/ Đất ĐT	20%	20 ÷ 25%
7.2	Mật độ mạng lưới đường	5 ÷ 6km/km^2	6 ÷ 7km/km^2

5. Định hướng tổ chức phát triển không gian đô thị

a) Hình thái phát triển không gian đô thị Bình Phú

Không gian toàn đô thị dự kiến sẽ phát triển theo dạng tuyến, lấy trục Quốc lộ 1 làm trục chủ đạo, giới hạn phát triển phía Bắc đến đường cao tốc và phía Nam tới tuyến tránh thị trấn Cai Lậy.

b) Mô hình phát triển hệ thống trung tâm công cộng đô thị

STT	Loại công trình	Quy mô diện tích			
		Năm 2020	Tỷ lệ (%)	Năm 2025	Tỷ lệ (%)
	Dân số toàn đô thị	21.000 người		24.650 người	
	Diện tích đất toàn đô thị	1894,94 ha	100%	1894,94 ha	100%
1.	**Đất xây dựng đô thị**	367,5 ha	19,39%	431,4 ha	22,76%
1.1	Đất ở đô thị	100,64 ha	5,32%	114,61 ha	6,05%
1.2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp	15,55 ha	0,82%	15,55 ha	0,82%
1.3	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh	1,37 ha	0,07%	1,60 ha	0,08%
1.4	Đất xử lý chôn lấp chất thải	0,44 ha	0,02%	0,52 ha	0,03%
1.5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	3,28 ha	0,17%	3,28 ha	0,17%
1.6	Đất nghĩa trang nghĩa địa	1,26 ha	0,07%	1,48 ha	0,08%
1.7	Đất cây xanh, mặt nước	38,12 ha	2,01%	52,06 ha	2,75%
1.8	Đất phát triển hạ tầng	206,93 ha	10,91%	242,35 ha	12,78%
2	**Đất phát triển công nghiệp**			6,6 ha	0,34%
3	**Đất nông nghiệp còn lại**	1.527,44	80,61%	1.456,94 ha	76,95%

7. Vị trí, quy mô các khu chức năng chính

a) Trung tâm hành chính, chính trị, văn hóa, TDTT mới của đô thị

- Khu trung tâm huyện hình thành trên khu vực phía Đông Nam của khu trung tâm; hai mặt phía Bắc và Tây giáp sông Bình Long thông qua dãy công viên cây xanh ven sông; phía Nam giáp dãy cây xanh cách ly với tuyến tránh thị trấn Cai Lậy một khoảng từ 180 đến 270 mét; phía Đông Nam giáp dãy cây xanh cách ly với tim Đường tỉnh 875B khoảng 57,5 mét và phía Đông Bắc giáp khu dân cư tự chỉnh trang cách tim Đường tỉnh 875B khoảng 43 mét.

- Khu hành chính huyện qui mô 6,6 ha phía Nam sông Bình Long là một bộ phận của trục trung tâm đô thị có cấu trúc không gian thoáng rộng, trang trọng và hiện đại.

- Trung tâm công cộng của thị trấn phát triển theo hệ trục trung tâm thông qua tuyến giao thông Quốc lộ 1. Các trung tâm chủ yếu nằm trên hệ trục này là trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế, văn hóa, thể dục thể thao của đô thị mới. Ngoài ra, hình thành các trung tâm bổ trợ tại từng khu vực.

- Trung tâm công cộng của huyện phát triển ở khu vực phía Đông Nam của đô thị thông qua tuyến giao thông đối ngoại là Đường tỉnh 875B, tuyến tránh thị trấn Cai Lậy và được liên hệ với các khu vực khác thông qua hệ thống các tuyến đường nhánh của đô thị.

c) Các mô hình nhà ở

- Nhà ở dọc các tuyến phố, trong các khu trung tâm đô thị.

- Nhà ở kết hợp vườn nhằm tạo môi trường sống xanh mát, thông thoáng, hài hòa với cảnh quan sông nước.

d) Hệ thống các trục không gian chủ đạo của đô thị

- Trục cảnh quan mặt nước: ven sông Bình Long và kênh Ông Mênh. Trên các trục này tổ chức các công viên cây xanh, đường dạo với các kiến trúc nhỏ ven sông, không che chắn tầm nhìn vào trọng các khu chức năng của đô thị.

- Trục Quốc lộ 1 đoạn đi qua đô thị, là khu vực trung tâm của xã Bình Phú. Cần chỉnh trang các công trình công cộng và nhà ở, đảm bảo khoảng lùi tạo tầm nhìn thông thoáng; khuyến khích phát triển không gian theo phương đứng để giảm diện tích xây dựng, dành quỹ đất tạo các mảng xanh cho đô thị.

- Trục trung tâm chạy theo tuyến Đông Tây liên hệ giữa các khu trung tâm của huyện, các khu ở và khu thương mại dịch vụ đấu nối giữa Quốc lộ 1 và Đường tỉnh 875B, tạo các vòng xoay tại các nút giao thông quan trọng để giảm thiểu ách tắt giao thông và trồng cây xanh tạo cảnh quan.

đ) Hệ thống quảng trường và các công trình điểm nhấn của đô thị

- Quảng trường được khai thác tại không gian trọng tâm của đô thị, vị trí khu hành chính huyện để phục vụ cho các hoạt động lễ hội trong năm.

- Các công trình tạo điểm nhấn là những công trình hành chính, trụ sở làm việc, văn hóa - thể dục thể thao, thương mại. Những công trình này cần chú trọng đến hình thức riêng, đặc thù để tạo bộ mặt đẹp, sinh động cho không gian đô thị.

e) Hệ thống công viên cây xanh - không gian mở

- Dãy công viên cây xanh ven sông Bình Long, kênh Ông Mênh sẽ nối kết với khu văn hóa - thể dục thể thao trung tâm huyện và công viên cây xanh tại các khu ở tạo thành hệ thống không gian xanh đô thị.

- Ngoài ra, tận dụng dãy cây xanh thành mảng cây xanh cách ly với các tuyến giao thông đối ngoại tại Đường tỉnh 875B, tuyến tránh thị trấn Cai Lậy sẽ góp phần cải thiện điều kiện cảnh quan và khí hậu cho đô thị.

6. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng

- Khu các cơ quan cấp huyện thuộc ngành dọc bố trí thành 2 dãy dọc 2 bên tuyến đường chính dẫn vào khu vực quảng trường và trung tâm hành chính với qui mô diện tích khoảng 5,6 ha.

- Quảng trường qui mô 1,92 ha tại khu vực trung tâm hành chính đóng vai trò là một không gian mở tạo sự thông thoáng và liên kết các không gian cho khu vực.

- Khu văn hóa - thể dục thể thao qui mô 4,64 ha ở phía Tây Nam giáp với công viên ven sông Bình Long để có thể nối kết với không gian xanh này phục vụ cho các hoạt động sinh hoạt tập luyện ngoài trời.

- Khu y tế qui mô 4,23 ha phía gần Đường tỉnh 875B để thuận lợi cho giao thông được ngăn cách với khu công an bằng một công viên cây xanh.

- Khu đất công an qui mô 3,35 ha.

b) Trung tâm kinh tế, thương mại dịch vụ mới của đô thị

Hình thành phía Tây Nam của khu trung tâm, qui mô 7,91 ha là những khu thương mại tập trung kết hợp với những khu phố thương mại, bến xe được nối kết với Quốc lộ 1 để thuận tiện cho việc giao thương và dịch vụ.

c) Điểm công nghiệp

Hình thành điểm công nghiệp phía Bắc tuyến đường cao tốc dọc theo Đường huyện 65 với quy mô khoảng 6,6 ha, để di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trong khu vực phát triển đô thị, nhằm hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường và có thể phát triển các cơ sở chế biến nông sản, thực phẩm.

d) Khu đô thị

- Khu đô thị chủ yếu là các khu đô thị kết hợp xây dựng mới với cải tạo khu dân cư hiện có với qui mô diện tích khoảng 39,128 ha.

- Khu đô thị mới chủ yếu phục vụ nhu cầu mở rộng đô thị và sinh thái nhà vườn với qui mô diện tích khoảng 75,492 ha.

8. Nguồn cung cấp, vị trí, quy mô, công suất các công trình đầu mối và mạng lưới chính của hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Về hệ thống giao thông

*** Mạng lưới đường**

STT	Tên đường	Mặt cắt	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)			Diện tích(m^2)		
				Mặt đường (m)	Hè đường + phân cách (m)	Tổng bề rộng (m)	Mặt đường (m^2)	Hè đường (m^2)	Tổng (m^2)
1	Đường giao thông đối ngoại	0-0	1.171	12	6	38	14.052	7.026	44.498
		1-1	7.299	9	6	30	65.691	43.794	218.970

STT	Tên đường	Mặt cắt	Chiều dài (m)	Bề rộng (m)			Diện tích(m^2)		
				Mặt đường (m)	Hè đường + phân cách (m)	Tổng bề rộng (m)	Mặt đường (m^2)	Hè đường (m^2)	Tổng (m^2)
2	Đường trục trung tâm	2-2	2.574	18	22	40	46.332	56.628	102.960
3	Đường liên khu vực và khu vực	3-3	2.394	18	12	30	43.092	28.728	71.820
		4-4	2.319	15	10	25	34.785	23.190	57.975
		5-5	724	9	13	22	6.516	9.412	15.928
4	Đường khu vực	6-6	3.715	12	8	20	44.580	29.720	74.300
		7-7	2.423	9	8	17	21.807	19.384	41.191
		8-8	6.150	6	6	12	36.900	36.900	73.800
		9-9	1.264	9	7	16	11.376	8.848	20.224
		10-10	427	9	6	15	3.843	2.562	6.405
5	Bến xe								16.100
6	Đường giao thông nông thôn								1.364.862
	Tổng		24.925						1.592.100

*** Các công trình phục vụ giao thông**

Quy hoạch mới bến xe ở khu vực trung tâm, tiếp giáp khu thương mại nhằm phục vụ nhu cầu đi lại của người dân. Tổng quy mô dự kiến khoảng 1,61ha.

b) Về chuẩn bị kỹ thuật đất đai

Các khu vực phát triển và mở rộng đô thị phần lớn là đất vườn và ruộng lúa vì vậy khi xây dựng cần phải tôn nền, chọn cao độ nền xây dựng như sau:

+ Khu vực phía Bắc chọn cao độ nền xây dựng ≥+2,8m.

+ Khu vực thị trấn chọn ≥+2,5m.

+ Khu vực phía Nam đô thị chọn cao độ nền xây dựng ≥+2,8m.

c) Về thoát nước mặt

Hệ thống thoát nước mưa phân ra làm nhiều lưu vực, mỗi lưu vực có cửa xả thoát ra sông hoặc kênh gần nhất. Cống thoát nước dùng cống bê tông cốt thép. Kết hợp hố ga thu nước đặt theo bó vỉa của tuyến đường chính.

d) Về cấp nước

*** Nhu cầu dùng nước**

ĐỐI TƯỢNG DÙNG NƯỚC	NHU CẦU			
	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Định lượng
Cấp nước cho sinh hoạt	1703,88	2100	3697,5	m^3/ngày.đ
Cấp nước cho dịch vụ	170,388	210	369,75	m3/ngày.đ
Nước cho thất thoát	281,1	346,5	610,1	m3/ngày.đ
Nước cho nhà trạm cấp nước	215,5	265,7	467,7	m3/ngày.đ
* Lưu lượng ngày trung bình	2370,9	2922,2	5145,1	m3/ngày.đ
* Lưu lượng ngày nhiều nhất	3082,2	3798,8	6688,6	m3/ngày.đ
* Lưu lượng ngày ít nhất	1896,8	2337,7	4116,1	m3/ngày.đ

*** Nguồn nước**

- Nguồn cấp nước sinh hoạt hiện tại lấy từ trạm cấp nước xã Bình Phú là giếng khoan tầng sâu khoảng 400m đạt tiêu chuẩn nước cấp sinh hoạt.

- Sông Bình Long là nguồn nước có trữ lượng nước lớn, ổn định, ít chịu tác động chất thải đô thị, dự kiến chọn nguồn nước mặt này sử dụng lâu dài cho khu qui hoạch.

- Trạm xử lý nước (nhà máy nước) công suất= 6700 m^3/ngày đêm đặt đầu nguồn và cách xa khu dân cư và khu vực sản xuất, tại vị trí ấp Bình Sơn, thuộc khu dân cư mới.

*** Phương án nguồn nước**

- Giai đoạn 2015 sử dụng nước ngầm và nước mặt công suất khoảng 3.082m^3/ngày.đ.

- Giai đoạn 2020 sử dụng nguồn nước mặt công suất khoảng 3.798m^3/ngày.đ.

- Giai đoạn 2025 sử dụng nguồn nước mặt công suất khoảng 4.459m^3/ngày.đ.

đ) Về cấp điện và chiếu sáng đô thị

- Nguồn điện: Từ lưới điện quốc gia đã có trên địa bàn thông qua thỏa thuận đấu nối nguồn điện với Công ty điện lực.

- Lưới điện: Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường dây trung thế hiện có và xây dựng mới theo nhu cầu phát triển của quy hoạch. Từng bước hoàn chỉnh lưới điện hạ thế đến các khu chức năng của thị trấn.

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt:

+ Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2015: 400 kWh/người/năm.

+ Giai đoạn dài hạn (đến năm 2025 và xa hơn): 1.000 kWh/người/năm.

e) Về thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang

* Thoát nước thải

Lưu lượng ngày	THOÁT NƯỚC THẢI			
	Năm 2015	Năm 2020	Năm 2025	Định lượng
* Lưu lượng ngày trung bình	2370	2922	5145	m3/ngày.đ
* Lưu lượng ngày nhiều nhất	3082	3798	6688	m3/ngày.đ
* Lưu lượng ngày ít nhất	1896	2337	4116	m3/ngày.đ

- Thiết kế cống thoát nước mưa tách riêng với thoát nước thải sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt thu gom về trạm xử lý đạt tiêu chuẩn hiện hành trước khi cho ra nơi công cộng.

- 3 Trạm xử lý nước thải công suất mỗi trạm = 2.500 m^3/ngày.đ đặt gần khu vực cần xử lý như khu dân cư xây mới, khu vực chợ, về cuối hướng gió chủ đạo nhằm không gây mùi hôi khi vận hành xử lý.

- Hệ thống cống thoát nước thải dùng ống nhựa đen PVC loại dùng cho thoát nước thải có hệ số nhám nhỏ, giảm độ sâu chôn cống & giá thành hợp lý.

* **Chất thải rắn:** Được đưa vào khu liên hợp xử lý chất thải rắn của tỉnh tại xã Mỹ Phước, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

* **Nghĩa trang:** Sử dụng Công viên nghĩa trang Mỹ Phước Tây (huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang) và các nghĩa trang khác theo quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh.

9. Các quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị

- Đối với công trình dịch vụ công cộng, khoảng lùi cần thiết >10m tính từ chỉ giới đường đỏ. Trước mỗi công trình có tổ chức vườn hoa, cây xanh, biểu tượng trang trí, hè lát dùng màu sắc tách biệt để trang trí.

- Dọc các tuyến phố chủ yếu xây dựng nhà ở liền kế, nên có tầng cao tối thiểu 2 tầng để tạo bộ mặt tuyến phố. Mật độ xây dựng chung toàn khu đô thị 30-35%, cân đối tỷ lệ cây xanh cao.

- Trên các tuyến phố tổ chức trồng cây theo chủ đề, có tính thống nhất, hài hòa về chủng loại, màu sắc, chú trọng trồng cây cảnh quan và tạo hình khối trang trí làm đẹp các trục phố chính đô thị

- Trong các khu nhà ở hiện trạng, cải tạo chỉnh trang bộ mặt kết hợp với việc tổ chức vườn hoa cây xanh vào khu vực đất trống hiện nay. Duy trì một số mặt nước hiện trạng và mở rộng để tạo không gian mở, xung quanh trồng cây xanh công viên làm nơi vui chơi giải trí đồng thời góp phần cải tạo vi khí hậu và thoát nước cho khu vực.

- Trung tâm công cộng đơn vị ở tổ chức gắn với trục giao thông liên khu vực hoặc khu vực nằm ở vị trí cửa ngõ các đơn vị ở. Trục đường liên khu vực dẫn đến các trung tâm đơn vị ở cần có thiết kế đặc biệt như lưu ý về chủng loại cây trồng, vật liệu lát vỉa hè, đèn chiếu sáng.

- Tạo các không gian mở bằng việc tổ chức không gian xanh, mặt nước, khu văn hóa thể thao có quảng trường nhỏ để phục vụ đời sống tinh thần cho dân cư đô thị, những khu vực này cần bố trí liên hệ trực tiếp với các nhóm nhà ở, các công trình phúc lợi công cộng như: trường học, nhà văn hoá...

10. Biện pháp bảo vệ môi trường

- Quan tâm đến xây dựng hệ thống cây xanh trong đô thị, đặc biệt tuyến tránh thị trấn Cai Lậy, Đường tỉnh 875B. Hạn chế sử dụng những khu vực có môi trường sinh thái tốt để xây dựng.

- Trong quá trình khai thác cảnh quan thiên nhiên phải chăm sóc, gìn giữ sinh cảnh. Tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về môi trường và bảo tồn thiên nhiên có sự tham gia của cộng đồng

11. Các chương trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Các chương trình ưu tiên đầu tư

- Quy hoạch chi tiết và xây dựng trục trung tâm hành chính, chính trị, kinh tế của huyện.

- Xây dựng tuyến tránh thị trấn Cai Lậy, Đường tỉnh 875B, trục trung tâm mới của đô thị, các trục giao thông liên khu vực và khu vực.

- Quy hoạch xây dựng hệ thống quảng trường, công viên văn hóa - thể dục, thể thao.

- Quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới: Khu dân cư phía Đông Nam sông Bình Long, khu dân cư phía Tây Nam sông Bình Long, khu dân cư phía Bắc Quốc lộ 1.

- Quy hoạch xây dựng các khu đô thị cải tạo mở rộng.

- Xây dựng các công trình phúc lợi, trung tâm dịch vụ công cộng, thương mại.

- Cải tạo và mở rộng các tuyến phố trong khu phố cũ.

- Xây mới, cải tạo và mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước hiện có.

- Lập dự án quy hoạch thoát nước mưa và thoát nước bẩn cho đô thị.

- Dự án kè dọc sông Bình Long và kênh Ông Mênh.

- Lập dự án quy hoạch mạng lưới điện phục vụ các khu đô thị mới và hiện hữu; xây mới, cải tạo và mở rộng hệ thống chiếu sáng trên các tuyến phố chính, ngõ hẻm khu dân cư.

b) Nguồn lực thực hiện

Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế chính sách, huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn.

12. Các vấn đề về tổ chức thực hiện

a) Cơ chế chính sách

- Cụ thể hóa các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý và thực hiện quy hoạch, kiến trúc.

- Hoàn thiện, bổ sung và xây dựng mới những quy định pháp lý liên quan đến quy hoạch xây dựng và quản lý phát triển đô thị.

- Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế chính sách, huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn.

b) Quy định quản lý

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong "Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung đô thị Bình Phú, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đến năm 2025" sau khi Quyết định được phê duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố công khai và lưu trữ hồ sơ đồ án theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành lập các đồ án quy hoạch ngành phù hợp với quy hoạch chung đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Tổ chức lập và phê duyệt các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy hoạch xây dựng các khu dân cư, quy chế quản lý Quy hoạch kiến trúc, ... phù hợp Quy hoạch chung đô thị Bình Phú đến năm 2025, quy định của pháp luật và hoàn thành theo đúng thời hạn quy định tại Nghị định số 37/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Chỉ đạo việc rà soát, quản lý các công trình cao tầng trên địa bàn đô thị theo điều kiện cụ thể của từng khu vực, phù hợp quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung được duyệt.

- Xây dựng cơ chế chính sách để thực hiện quy hoạch theo tiến độ và trình tự ưu tiên.

- Chỉ đạo lập kế hoạch, chương trình cải tạo chỉnh trang đô thị, kế hoạch đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xã hội - kỹ thuật; quản lý chặt chẽ các quỹ đất dự kiến để phát triển các công trình, các khu chức năng quan trọng của đô thị theo đúng quy hoạch.

2. Giao Sở Xây dựng

- Phối hợp tổ chức công bố quy hoạch, lưu trữ hồ sơ đồ án theo quy định.

- Kiểm tra việc thực hiện đồ án Quy hoạch chung đô thị Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đến năm 2025 được duyệt theo quy định chức năng, nhiệm vụ.

3. Giao các Sở, ngành và địa phương có liên quan

Trên cơ sở quy hoạch được duyệt phối hợp với huyện Cai Lậy triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng của địa phương đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy; Sở Xây dựng tỉnh Tiền Giang và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT. T. Nam.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Lê Văn Nghĩa